TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **138**/2019/HC-PT
Ngày: 22-8-2019
V/v: "Khiếu kiện hành vi hành chính về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh;

Ông Nguyễn Tấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Khiếu kiện hành vi hành chính về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất*". Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án sơ thẩm số 35/2018/HC-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 890/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Y - Sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Buôn G, xã K1, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh K - Sinh năm 1990 (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018). Có mặt.

Địa chỉ: 159 đường L3, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L1, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y1 Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Lê Văn L2 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L.

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L1, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ông Phạm Nhật B - Giám đốc Chi nhánh Trung Tâm phát triển quỹ đất huyện L.

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L1, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tổng công ty Phát điện Z.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Kh - Phó Giám đốc Công ty Thủy điện B1 (Văn bản ủy quyền số 2754/UQ-GENC03 ngày 01/8/2018). Vắng mặt.

Địa chỉ: 22 đường M, phường Th1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng:

Năm 2000, gia đình ông Y khai hoang 01 lô đất diện tích 28.693 m^2 tại buôn G, xã K1, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 33 diện tích 16.928 m^2 và thửa số 63, tờ bản đồ số 33 diện tích là 11.765 m^2. Sau khi khai hoang gia đình ông Y có trồng cà phê, lúa, và cây hoa màu trên diện tích đất này ổn định từ đó đến nay. Quá trình khai hoang, sử dụng, ông Y luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất, không tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai và được Ủy ban nhân dân xã K1, huyện L xác nhận đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Do tập quán của người dân tộc thiểu số nên việc sử dụng đất không liên tục, thường canh tác 1-2 năm thì bỏ, đến 1 hay 2 năm sau mới canh tác lại.

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L đã thu hồi toàn bộ diện tích đất trên của gia đình ông Y để thực hiện xây dựng công trình thủy điện Buôn TS tại xã K1, huyện L nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất với lý do ông Y không cung cấp được các giấy tờ gốc chứng minh về quyền sử dụng đất và cho rằng giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã K1 là không có giá trị pháp lý.

Ông Y đã khiếu nại đến UBND huyện L đề nghị được bồi thường diện tích đất trên. Ngày 21/6/2016, UBND huyện L ban hành văn bản số 1721 trả lời với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Y.

Do đó, ngày 12/01/2018 ông Y khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện L ban hành quyết định hành chính thu hồi đất và bồi thường cho gia đình ông Y với diện tích đất 28.693 m^2 tại buôn G, xã K1, huyện L, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Việc ông Y cho rằng thửa đất số 63 và 91, tờ bản đồ số 33 tại buôn G, xã K1, huyện L là đất trồng cây hàng năm do hộ gia đình ông tự khai phá năm 2000 là không có cơ sở vì:

Theo Biên bản làm việc ngày 28/4/2010 của Tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thủy điện Buôn TS thì đất hộ ông Y (do bà H đứng tên) trước thời điểm năm 2006 có hiện trạng RST, RSN, BCS (đất bằng chưa sử dụng), chưa được giải thửa chi tiết; chưa được xác nhận của chính quyền địa phương. Qua kiểm tra, đối chiếu 02 thửa đất số 63 và 91, tờ bản đồ số 33 tại buôn G, xã K1, huyện L nay là khu vực lòng hồ thủy điện Buôn TS do Trung tâm kỹ thuật địa chính Đắk Lắk đo đạc và lập năm 2013 có hiện trang là đất bằng chưa sử dụng.

Các giấy tờ có liên quan mà ông Y cung cấp không có giấy tờ gốc liên quan để đối chiếu. Các đơn xin xác nhận nguồn gốc đất kèm theo đơn gửi đến các cơ quan trong năm 2017 được UBND xã K1 ký xác nhận vào tháng 5/2017 là không có cơ sở pháp lý; ông Y2 ký vào các giấy tờ nêu trên là trái với kết quả làm việc ngày 28/4/2010 của Tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thủy điện Buôn TS (Ông Y2 có ký biên bản làm việc ngày 28/4/2010).

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận khiếu nại yêu cầu bồi thường của gia đình ông Y. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y về việc tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện L ban hành quyết định hành chính thu hồi đất và bồi thường cho gia đình ông Y với diện tích đất 28.693 m^2 tại buôn G, xã K1, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

** Trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty Phát điện 3 trình bày:*

Dự án thủy điện Buôn TS nằm trong lòng tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001-2020, được Thủ tướng chính phủ thông qua năm 2001. Dự án thuộc vốn Ngân sách Nhà nước, do Tập đoàn điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư. Ban quản lý dự án thủy điện 5 làm đại diện quản lý, triển khai xây dựng công trình. Để có cơ sở cho UBND tỉnh Đắk Lắk chuyển đổi mục đích sử dụng, Ban quản lý dự án thủy điện phải hợp đồng với Trung tâm đo đạc và đi khảo sát

hiện trạng đất rừng trong khu dự án.

Ông Y có vợ là bà H, hiện đang khởi kiện để yêu cầu bồi thường hỗ trợ (BTHT) đối với các thửa đất số 63 và 91 thuộc tờ bản đồ số 33 trên địa bàn xã K1, huyện L. Tuy nhiên, 02 thửa nêu trên ở gần với 04 thửa đất khác đã được kiểm kê hiện trạng vào tháng 11/2007, có Quyết định thu hồi đất vào tháng 11/2008, được điều chỉnh bổ sung loại đất vào tháng 6/2009 và được BTHT cho hộ ông Y vào tháng 12/2009, đó là các thửa 73, 89, 90, 107, đều thuộc bản đồ số 33 (có bản đồ địa chính, các Quyết định thu hồi đất ban đầu, Quyết định thu hồi đất hiệu chỉnh, Quyết định phê duyệt phương án BTHT, Biên bản giao trả tiền BTHT cho hộ ông Y và các tài liệu có liên quan như Phụ lục 1 đính kèm).

Quá trình kiểm tra, xác nhận nguồn gốc các thửa đất của hộ ông Y diễn ra từ năm 2008 đến tháng 4/2009, nhưng hồ sơ lưu cho thấy chỉ có 04 thửa đất được hộ dân kê khai và được cấp có thẩm quyền xác nhận về chủ sử dụng đất, còn 02 thửa số 63 và 91 thì không thấy đề cập trong quá trình tiếp nhận đơn, kiểm tra, xác minh hay trong biên bản họp giải quyết kiến nghị của các hộ dân.

Như vậy, quá trình kiểm tra, xác minh nguồn gốc sử dụng đất khu vực nói trên diễn ra trong thời gian dài, nhưng hộ ông Y chỉ có Đơn xin xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và được chính quyền địa phương xác nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa: 73, 89, 90, 107 thuộc tờ bản đồ số 33; còn các thửa số 63 và 91 vẫn là đất BCS (đất bằng chưa sử dụng), không thuộc quyền sử dụng của hộ ông Y.

Ngày 08/6/2009, UBND huyện L ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nguồn gốc sử dụng và năm khai hoang đất của 30 hộ gia đình, cá nhân tại xã K1 để xây dựng công trình thủy điện (CTTĐ) Buôn TS. Trong đó hộ ông Y (STT 29) được xác nhận có 04 thửa đất (73, 89, 90, 107 Tờ bản đồ số 33) với tổng diện tích 43.776 m^2, được điều chỉnh từ loại đất BCS sang NHK, đủ điều kiện để được BTHT theo quy định.

Ngày 11/6/2009, UBND huyện L ban hành Quyết định số 1022/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BTHT bổ sung khu lòng hồ KRN 3-4 trên địa bàn xã K1, huyện L thuộc CTTĐ Buôn TS. Trong đó, hộ ông Y (STT 29) được BTHT 04 thửa đất (73, 89, 90, 107 Tờ bản đồ số 33) với tổng số tiền BTHT là 350.208.000 đồng.

Ngày 30/12/2009, ông Y đã nhận đủ tiền BTHT theo phương án BTHT đã được phê duyệt tại Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 11/6/2009 của UBND huyện L. Ông Y không có ý kiến gì thêm.

Khoảng thời gian từ sau cuộc họp do UBND xã K1 tổ chức vào ngày 29/8/2008 để giải quyết kiến nghị của các hộ dân bị ảnh hưởng khi thu hồi đất lòng hồ KRN 3-4 đến ngày 20/4/2009 là ngày UBND xã K1 ký xác nhận nguồn gốc sử dụng đất đối với 04 thửa 73, 89, 90, 107 của hộ ông Y là thời gian khá dài. Tuy

nhiên, rà soát hồ sơ BTHT của dự án thuỷ điện Buôn TS cho thấy không có nội dung nào đề cập đến kiến nghị của ông Y hay bà H đối với thửa đất 63 và 91. Việc hộ dân xin xác nhận nguồn gốc sử dụng đất sau thời điểm tích nước hồ Buôn TS (tức là sau ngày 11/7/2009) để đòi BTHT đối với các thửa 63 và 91 là không có cơ sở pháp lý để giải quyết.

Trong năm 2009, Hội đồng bồi thường hỗ trợ - tái định cư (BTHT-TĐC) huyện L có phát hành mẫu *"Đơn xin xác nhận nguồn gốc sử dụng đất"* (ĐXXNNGSDĐ) để các hộ dân kê khai và nộp lại cho chính quyền địa phương kiểm tra, xác nhận với đầy đủ nội dung và thành phần theo quy định (có đề cập tại văn bản ngày 19/3/2009 của UBND xã K1). Tuy nhiên, Công ty nhận thấy ĐXXNNGSDĐ đề ngày 30/7/2009 của bà H đối với thửa đất 63 và 91 có nội dung và hình thức trình bày không giống với mẫu đơn do Hội đồng BTHT-TĐC phát hành trong năm 2009. Điều này rất dễ nhận ra khi so sánh mẫu ĐXXNNGSDĐ vừa nêu với tất cả ĐXXNNGSDĐ lưu trong hồ sơ BTHT khu lòng hồ KRN 3-4, trong đó có ĐXXNNGSDĐ của ông Y đối với các thửa đất 73, 89, 90, 107 trong cùng khu vực. Như vậy,ĐXXNNGSDĐ mà bà H đề ngày 30/7/2009 là đơn được soạn vào những năm sau này, nhưng lùi thời gian làm đơn về ngày trong năm 2009 nhằm hợp thức hoá nguồn gốc sử dụng đất.

Yêu cầu UBND xã K1 cung cấp các bằng chứng pháp lý trong quá trình xem xét để xác nhận vào ngày 05/5/2017 trên "Đơn xin xác nhận nguồn gốc sử dụng đất" của bà H rằng chủ sử dụng đất của các thửa số 63 và 91 thuộc tờ bản đồ số 33 là của hộ bà H và hiện trạng trên đất là trồng lúa rẫy, ngô…

Theo Luật đất đai 2003, tại điểm a khoản 1 Điều 43 đã quy định: "*1. Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây: a) Thu hồi đất trong các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 của Luật này;*". Liên quan đến vấn đề đó, tại khoản 11 Điều 38 nêu rõ "*Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn mười hai tháng liền; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn mười tám tháng liền; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn hai mươi bốn tháng liền;*". Theo đó, các thửa đất số 63 và 91 thuộc tờ bản đồ số 33 được sử dụng để kiểm kê vào tháng 11/2007 có hiện trạng là đất BCS (đất chưa sử dụng), quá trình rà soát đến tháng 4/2009 vẫn không được chính quyền địa phương xác nhận là đất của hộ ông Y và bà H, nên không đủ điều kiện để được BTHT theo quy định.

Khu vực lòng hồ KRN 3-4 (nơi có 02 thửa đất số 63 và 91 thuộc tờ bản đồ số 33) đã được thu hồi đất theo Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 25/11/2008 và điều chỉnh nguồn gốc sử dụng đất tại Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của UBND huyện L; phương án BTHT đợt 1 cho khu vực này đã được phê duyệt tại Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 14/12/2008 và phương án BTHT hiệu chỉnh bổ sung lần cuối đã được phê duyệt tại Quyết định số 1022/QĐ-

UBND ngày 11/6/2009 của UBND huyện L. Theo Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 được sửa đổi bổ sung vào năm 2005, thì thời hiệu khiếu nại đối với các quyết định hành chính nêu trên đã kết thúc vào ngày 09/9/2009 (90 ngày đối với quyết định ban hành sau cùng). Tuy nhiên, đến ngày 23/8/2015, bà H mới có Đơn khiếu nại đầu tiên về việc chưa được đền bù các thửa đất số 63 và 91 thuộc trong lòng hồ khu vực KRN 3-4, nên đơn của bà H đã hết thời hiệu để được xem xét, giải quyết theo quy định. Việc UBND huyện L và các ban ngành liên quan rà soát hồ sơ và thấy rằng không có bằng chứng, chứng cứ để xác định các thửa đất số 63 và 91 trên tờ bản đồ số 33 là thuộc quyền sử dụng của bà H, nên đã không xem xét, giải quyết BTHT là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2018/HC-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Y về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L ban hành quyết định hành chính thu hồi đất và bồi thường cho gia đình ông Y với diện tích đất 28.693 m^2 tại buôn G, xã K1, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 ông Lê Thanh K là người đại diện theo uỷ quyền của ông Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay: Ông Lê Thanh K là người đại diện theo uỷ quyền của ông Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, qua phần đối thoại hai bên đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Việc đối thoại thành giữa người khởi kiện ông Y với người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk nội dung phù hợp không trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kết quả đối thoại của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả đối thoại tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, qua phần đối thoại, giữa người khởi kiện ông Y do ông Lê Thanh K là người đại diện theo uỷ quyền với người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án theo hướng người khởi kiện rút yêu cầu kháng cáo và khởi kiện; người bị kiện đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của người khởi kiện và UBND huyện L sẽ ban hành quyết định hỗ trợ cho người khởi kiện.

[2] Theo qui định tại điểm c Điều 233, điểm d khoản 1 Điều 234 và khoản 1 Điều 235 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm phải ra bản án phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; trong quyết định của bản án phúc thẩm ghi rõ cam kết của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Đắk Lắk về việc hỗ trợ cho người khởi kiện như đã thoả thuận.

[3] Về án phí: Theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 234 của Luật Tố tụng hành chính và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự vẫn phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quyết định của Toà án cấp sơ thẩm và phải chịu một nửa án phí hành chính phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 234 Luật Tố tụng hành chính và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận kết quả đối thoại giữa các đương sự tại phiên toà phúc thẩm.

1. Huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2018/HC-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ việc giải quyết vụ án do người khởi kiện đã rút đơn khởi kiện yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về đất và được người bị kiện đồng ý.

2. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm ban hành và thực hiện Quyết định hỗ trợ cho hộ ông Y với các nội dung hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ đời sống với mức 30kg gạo/khẩu/tháng x 24 tháng.

- Hỗ trợ sản xuất với mức 2.000.000đồng/hộ.

- Hỗ trợ khác: Theo quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Việc thực hiện các khoản hỗ trợ trên được thực hiện các khoản hỗ trợ trên được thực hiện xong trước ngày 30/11/2019.

3. Về án phí:

Ông Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005510 ngày 25/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0010730 ngày 26/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; hoàn trả lại cho ông Y 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông